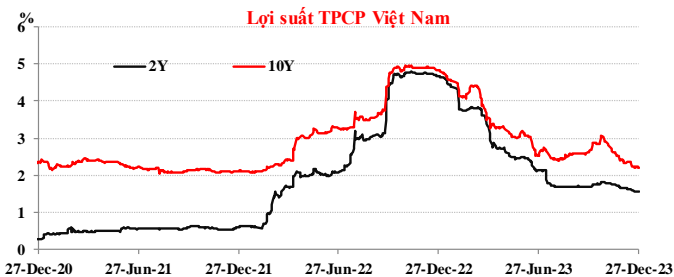


Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.83	-0.22	5.08	0.02	3Y	1.56	0.000
1W	2.05	0.05	5.18	0.02	5Y	1.53	-0.023
2W	2.05	0.03	5.28	0.02	7Y	1.92	0.014
1M	2.13	0.05	5.36	0.00	10Y	2.20	0.000
2M	2.93	0.01	5.46	0.00	15Y	2.41	0.007
3M	3.20	-0.02	5.55	0.00			
6M	4.55	-0.08	5.61	-0.01			
9M	5.12	-0.16	5.72	-0.03			
1Y	5.92	0.00	5.79	-0.02			



Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNNHN 27/12/2023

Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đáo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	1,000.00	-	-	-	0.00
Sell Outright	-	-	-	-	0.00
<b>Tổng</b>					

Thị trường TPCP sơ cấp

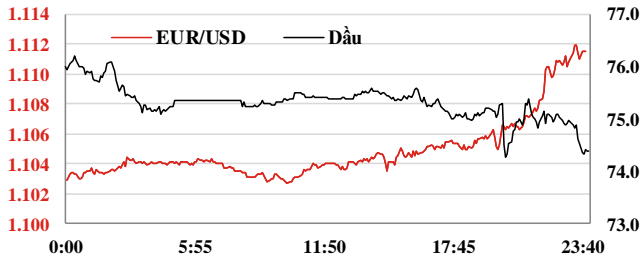
TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	Đơn vị: tỷ đồng			
			KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	27-Dec-23	5	500	0	0.00%	0.00%
MOF	27-Dec-23	10	1500	1018	2.20%	-0.05%
MOF	27-Dec-23	15	1500	0	0.00%	0.00%
MOF	27-Dec-23	30	1000	780	3.00%	-0.05%
<b>Tổng</b>			4500	1798		

Chứng khoán ngày 27/12/2023

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1121.99	230.60	86.46
%/ngày	-0.02%	-0.29%	0.26%
%/30/12/2022	11.41%	12.3%	20.7%
KLGD (tr.đ.vị)	776.80	62.64	25.1
GTGD (tỷ đ)	19333.43	1166.39	418.35
NĐINN mua (tỷ đ)	766.76	14.67	22.83
NĐINN bán (tỷ đ)	656.77	19.09	13.93

**Tin trong nước ngày 27/12**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 27/12, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.885 VND/USD, tăng trở lại 15 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.029 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.360 VND/USD, tăng 30 đồng so với phiên 26/12. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 40 đồng ở chiều mua vào và 20 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 24.740 VND/USD và 24.820 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 27/12, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,22 đpt ở kỳ hạn ON trong khi tăng 0,03 – 0,05 đpt ở các kỳ hạn còn lại từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 0,83%; 1W 2,05%; 2W 2,05% và 1M 2,13%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,02 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi đi ngang ở kỳ hạn 1M; giao dịch tại: ON 5,08%; 1W 5,18%; 2W 5,28%, 1M 5,36%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp không thay đổi ở các kỳ hạn 3Y và 10Y trong khi giảm ở kỳ hạn 5Y và tăng ở các kỳ hạn còn lại; chốt phiên ở mức: 3Y 1,56%; 5Y 1,53%; 7Y 1,92%; 10Y 2,20%; 15Y 2,41%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Hôm qua, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN và cũng không có khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 27/12, KBNN gọi thầu 4.500 tỷ đồng TPCP. Trong đó, có 1.798 tỷ đồng trúng thầu, đạt tỷ lệ 40%, bao gồm kỳ hạn 10Y trúng thầu 1.018 tỷ đồng/1.500 tỷ đồng gọi thầu và kỳ hạn 30Y trúng thầu 780 tỷ đồng/1.000 tỷ đồng gọi thầu. Kỳ hạn 5Y gọi thầu 500 tỷ đồng, kỳ hạn 15Y gọi thầu 1.500 tỷ đồng và đều không có khối lượng trúng thầu ở cả 2 kỳ hạn này. Lãi suất phát hành ở kỳ hạn 10Y và 30Y lần lượt là 2,20% và 3,0%, cùng giảm 0,05 đpt so với lần trúng thầu gần nhất.
- Thị trường chứng khoán:** Ngày 27/12, thị trường chứng khoán đảo chiều giảm trở lại. Chốt phiên, VN-Index giảm 0,26 điểm (-0,02%) về mức 1.121,99 điểm; HNX-Index mất 0,66 điểm (-0,29%) còn 230,60 điểm; UPCoM-Index nhích 0,22 điểm (+0,26%) lên 86,46 điểm. Thanh khoản thị trường tăng tích cực so với phiên trước đó với giá trị giao dịch gần 20.900 tỷ đồng. Sau 20 phiên bán ròng liên tiếp, khối ngoại quay trở lại mua ròng gần 115 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo thông tin cập nhật từ Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư,** tháng 12/2023 có 13.250 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với số vốn đăng ký là 155.051 tỷ đồng, tăng 23,0% về số doanh nghiệp và tăng 44,7% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2022. Trong tháng cũng ghi nhận có 6.393 DN quay trở lại hoạt động, tăng 4,7%. Như vậy, trong năm 2023, số DN gia nhập và tái gia nhập thị trường đạt 217.706 DN, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2022. Con số này gấp 1,3 lần mức bình quân DN gia nhập và tái gia nhập thị trường giai đoạn 2017-2022 (173.919 DN). Trong tháng 12/2023, cả nước có 14.355 DN rút lui khỏi thị trường, tăng 26,1% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung cả năm, con số này là 172.500 DN, tăng 20,5%.



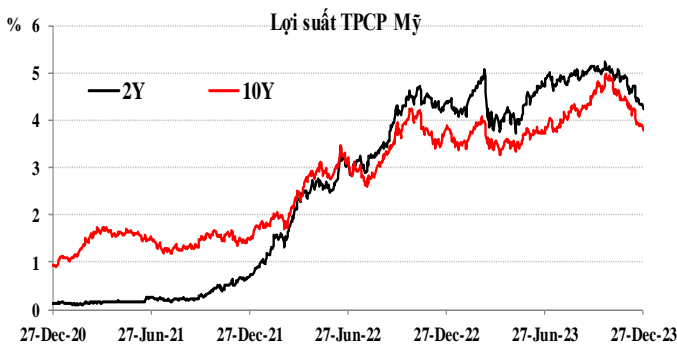
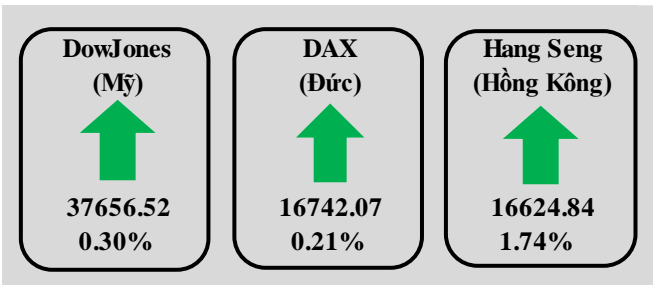
	27 Dec 23	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	100.99	-0.47%	-1.39%	-2.45%
USD/CNY	7.14	-0.04%	0.07%	3.53%
USD/EUR	0.90	-0.55%	-1.49%	-3.61%
USD/JPY	141.83	-0.39%	-1.21%	8.18%
USD/KRW	1292.78	-0.09%	-0.79%	2.53%
USD/SGD	1.32	-0.26%	-0.95%	-1.49%
USD/TWD	30.82	-0.40%	-1.59%	0.79%
USD/THB	34.33	-0.64%	-1.83%	-0.81%
USD/VND Trung tâm	23885	0.06%	-0.22%	1.16%
USD/VND LNH	24360	0.12%	0.09%	3.46%
USD/VND tự do	24772	0.04%	0.41%	4.53%
Vàng	2077.16	0.51%	2.36%	13.85%
Dầu WTI	74.11	-1.93%	-0.15%	-7.66%

## Tin quốc tế

▪ **Chỉ số sản xuất tại Richmond Mỹ giảm mạnh trong tháng 12.** Cục Dự trữ Liên bang Mỹ chi nhánh Richmond khảo sát cho biết chỉ số sản xuất tại khu vực này ghi nhận ở mức -11 điểm trong tháng 12, giảm xuống từ mức -5 điểm của tháng 11, trái với dự báo tăng nhẹ lên mức -4 điểm. Đây là mức điểm thấp nhất mà khu vực này ghi nhận trong vòng 7 tháng. Về chi tiết, chỉ số hàng tồn kho giảm từ -8 xuống -17 điểm, chỉ số đơn đặt hàng mới giảm từ -5 xuống -14 điểm và chỉ số việc làm giảm từ 0 xuống -1 điểm. Nhìn chung, các doanh nghiệp vẫn bị quan về điều kiện kinh doanh ở thời điểm hiện tại khi lãi suất cao gây ra áp lực trả nợ quá lớn. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp cho biết có thể sẽ thu hẹp quy mô hoạt động trong khoảng 6 tháng do nhu cầu của người dân đang yếu đi, dành nguồn lực cho giai đoạn kinh doanh thuận lợi hơn.

### ▪ Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
27-12	12:00	**	Chỉ số sản xuất Richmond Mỹ T12	-11.0	-4.0	-5.0
28-12	6:50	*	Doanh số bán lẻ Nhật Bản yy T11		5.1	4.1
28-12	20:30	***	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu Mỹ we		211K	205K
28-12	22:00	**	Số nhà chờ bán Mỹ mm T11		0.8	-1.5



### Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/7/2023	31/1/2024
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/9/2023	25/1/2024
Anh	GBP	5,25%	5,25%	3/8/2023	1/2/2024
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/1/2016	23/1/2024
Australia	AUD	3,85%	4,10%	6/6/2023	6/2/2024

# Thị trường chứng khoán

## VN-INDEX



VN-Index giảm, đóng cửa tại 1.121,99 điểm. Thị trường có phiên giảm điểm đầu tiên sau 5 phiên tăng liên tiếp trước đó. VN-Index có thể tiếp tục rung lắc trong những phiên sắp tới khi ở gần ngưỡng kháng cự 1130 điểm.

### NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội  
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm  
Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích  
Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)